

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH 4

1. Mã học phần: ITS3104

2. Số tín chỉ: 5

3. Học phần tiên quyết: ITS3103

4. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt và tiếng Anh

5. Giảng viên:

Giảng viên 1:

Họ và tên: Nguyễn Thị Thùy Trang

Chức danh: Tiến sĩ

Thời gian, địa điểm làm việc: Các ngày trong tuần tại Khoa Quốc tế học

Địa chỉ liên hệ: Khoa Quốc tế học, ĐHKHXH&NV, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: 0948471084

Email: trangntt84@yahoo.com

Các hướng nghiên cứu chính:

- Quan hệ quốc tế ở Châu Á-Thái Bình Dương
- An ninh môi trường ở Đông Nam Á
- An ninh con người, phát triển con người

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Hồ Thu Thảo

- Chức danh, học hàm, học vị: ThS

- Thời gian, địa điểm làm việc: Sẽ thông báo trong buổi học đầu tiên

- Địa chỉ liên hệ: Khoa Quốc tế học, tầng 2 nhà B, 336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

- Điện thoại: 024 385 84 599

- Email: hothuthao.hlu@gmail.com

- Các hướng nghiên cứu chính: Luật pháp châu Âu; Chính sách đối ngoại EU

6. Mục tiêu của học phần:

Tiếng Anh chuyên ngành 4 là học phần bắt buộc đối với sinh viên Quốc tế học, được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên những kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản (nghe, nói, đọc và dịch) thông qua và gắn liền với các chủ đề cụ thể liên quan đến chuyên ngành nghiên cứu quốc tế nói chung và quan hệ quốc tế nói riêng. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể nghe, đọc hiểu và trình bày quan điểm, tranh luận, phản biện được bằng tiếng Anh một cách linh hoạt, không chỉ giới hạn trong các chủ đề được đề cập, mà còn mở rộng ra những vấn đề cơ bản hoặc phức tạp khác.

7. Chuẩn đầu ra của học phần:

7.1. Kiến thức:

Hệ thống hóa được vốn từ vựng và những mẫu câu được trang bị trong các giờ học để trình bày được các chủ đề có liên quan tới các tổ chức quốc tế (WB, IMF, WTO), kinh tế xã hội (FTA, đô thị hóa), các vấn đề toàn cầu (an ninh, tôn giáo, di cư), ngoại giao (quan hệ song phương Việt - Nhật, Nga - Mỹ, Trung - Mỹ và quan hệ ba nước Đông Dương).

Hệ thống hóa được cách sử dụng của các hiện tượng ngữ pháp sau : các từ/cụm từ dùng để đưa ra lý do theo trật tự thời gian và tầm quan trọng như : the first (second, third) reason is ..., the first and most important reason is..., Another reason is..., the final reason is.... ; cách trích dẫn và ngắt câu; mệnh đề tính ngữ và ngữ đồng vị; cụm từ/ mệnh đề chỉ nguyên nhân, kết quả và sự trái ngược (however, nevertheless, therefore, consequently, but, so, because, since, as ...)

Phân biệt và hiểu được khoảng 600 từ và sử dụng được khoảng 300 từ chuyên ngành xuất hiện trong các bài học ở Tiếng Anh chuyên ngành 4.

7.2. Kỹ năng:

Đọc - hiểu:

Sinh viên rèn được kỹ năng đọc hiểu tin tức, xác định được ý chính và tóm tắt được nội dung chính của một mẫu tin. Sinh viên cũng cần phát triển các kỹ năng khác như nhận dạng các quan điểm, phân biệt quan điểm và sự thật và đọc lướt lấy thông tin cụ thể.

Hiểu bài đọc và áp dụng thành thạo các kỹ năng đọc để giải quyết tốt các bài tập có liên quan đến nội dung bài đọc.

Dạng bài: Tóm tắt một mẫu tin từ các nguồn như The Economist, The Guardian, NYTimes (từ 600-800 từ) trong một khoảng thời gian nhất định.

Dịch xuôi Anh-Việt:

Sinh viên có thể phân tích câu hiếm gặp, hiểu được thành ngữ; dịch được ngôn ngữ báo chí với văn phong sáng sủa, trôi chảy, chau chuốt.

Dịch ngược Việt-Anh:

Dịch các tin chính thức (nguồn: TTXVN, Vietnamplus); phát triển kỹ năng xử lý câu trước khi dịch, văn phong formal và có đan xen văn phong ngoại giao.

Nghe:

Nguồn: Tin nhanh trên BBC Learning English và các nguồn tương đương.

Sinh viên cần có kỹ năng nghe hiểu, nghe để lấy thông tin chính, nghe lấy thông tin chi tiết, nghe và nhận biết ngữ điệu, nghe và nhận biết trọng âm và nghe và tóm tắt nội dung.

Dạng bài: Kết hợp các dạng gap filling, multiple choices và reproduce the news.

Nói:

Phát triển kỹ năng tranh luận (debate) gồm: cách đưa lý do (Ways to State Reasons); cách đưa ra biện pháp giải quyết (Generating Resolutions: The Students Generate Their Own Resolutions); cách đưa ra ý kiến để chứng minh cho quan điểm cá nhân (Supporting Your Opinion). Sinh viên cũng cần nắm được cấu trúc của một cuộc tranh luận, khẳng định/bác bỏ luận điểm của người khác và đưa ra được kết luận sau cùng.

7.3. Thái độ:

Sinh viên cân bằng được sự khác biệt, mâu thuẫn trong giải quyết công việc. Học phần giúp sinh viên hình thành những phẩm chất tích cực như: Sinh viên cảm thấy yêu thích học tiếng Anh; tự tin hơn khi giao tiếp và tranh luận, trình bày quan điểm bằng tiếng Anh; hứng thú tìm hiểu, nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến chuyên ngành học bằng tiếng Anh; từ đó hỗ trợ cho việc học các chuyên ngành bằng tiếng Việt và xác định được khả năng, ưu thế cá nhân để từ đó đề ra được định hướng học tập và việc làm trong tương lai.

8.Phương pháp kiểm tra, đánh giá:

Kiểm tra cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, dịch.

Điểm đánh giá cuối cùng của sinh viên được đánh giá như sau:

- *Đánh giá thường xuyên*: qua tần suất đi học, mức độ tham gia các hoạt động trên lớp và thái độ chuẩn bị bài ở nhà = 10% điểm đánh giá cuối cùng.
- *Đánh giá giữa kỳ*: (kiểm tra vào tuần thứ 8) = 30% điểm đánh giá cuối cùng.
Hình thức kiểm tra: Sinh viên làm bài Đọc Dịch trên lớp, cấu trúc đề, thời lượng và các yêu cầu khác do giảng viên quy định.
- *Đánh giá cuối kỳ*: (thi sau tuần thứ 15) = 60% điểm đánh giá cuối cùng.
Hình thức thi: Sinh viên thi Đọc Dịch theo lịch chung của trường, thi Nghe theo lớp và thi Nói dưới hình thức vấn đáp (bốc thăm câu hỏi, trình bày câu trả lời và các câu hỏi thêm của giảng viên). Giới hạn nội dung thi, cấu trúc đề, thời lượng và các yêu cầu khác do giảng viên quy định.

9. Giáo trình bắt buộc:

Tài liệu theo chủ đề của giảng viên

10. Tóm tắt nội dung học phần:

Học phần *Tiếng Anh chuyên ngành Quốc tế học 4* cung cấp cho sinh viên những kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản (nghe, nói, đọc và dịch) thông qua và gắn liền với các chủ đề cụ thể liên quan đến chuyên ngành nghiên cứu quốc tế nói chung và quan hệ quốc tế nói riêng, bao gồm các tổ chức quốc tế (WB, IMF, WTO), kinh tế xã hội (FTA, đô thị hóa), các vấn đề toàn cầu (an ninh, tôn giáo, di cư), ngoại giao (quan hệ song phương Việt - Nhật, Nga - Mỹ, Trung - Mỹ và quan hệ ba nước Đông Dương). Thông qua nội dung học phần, sinh viên sẽ được trang bị hiểu biết về các vấn đề quốc tế, một khối lượng từ vựng chuyên ngành lớn và tiếp tục được củng cố về mặt ngữ pháp. Kỹ năng thể hiện quan điểm cá nhân, tranh luận và phản biện cũng được tập trung giới thiệu chuyên sâu hơn trong học phần này.

11. Nội dung chi tiết học phần:

1. Các tổ chức quốc tế:

- 1.1. Ngân hàng Thế giới (WB)
- 1.2. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF)
- 1.3. Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO)

2. Kinh tế - Xã hội:

- 2.1. Các lễ hội quốc tế
- 2.2. Đô thị hóa và các vấn đề liên quan
- 2.3. Các FTA

3. Vấn đề toàn cầu:

- 3.1. Các vấn đề an ninh
- 3.2. Các vấn đề tôn giáo
- 3.3. Vấn đề di cư và nhập cư

4. Ngoại giao

- 4.1. Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản
- 4.2. Quan hệ Nga - Mỹ
- 4.3. Quan hệ Trung - Mỹ
- 4.4. Quan hệ ba nước Đông Dương